HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23 /2022/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND, ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Phú Yên trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu tại:

a) Đội tuyển cấp tỉnh;

b) Đội tuyển trẻ cấp tỉnh;

c) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh;

d) Đội tuyển cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo;

đ) Đội tuyển thể thao người khuyết tật cấp tỉnh;

e) Đội tuyển cấp huyện;

g) Đội tuyển thể thao người khuyết tật cấp huyện.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu

1. Thời gian tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện.

a) Đội tuyển cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

b) Đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 160.000 đồng/người/ngày.

c) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/ngày.

3. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn.

a) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 160.000 đồng/người/ngày.

b) Đội tuyển người khuyết tật cấp tỉnh: 240.000 đồng/người/ngày.

c) Đội tuyển cấp huyện: 160.000 đồng/người/ngày.

d) Đội tuyển người khuyết tật cấp huyện: 160.000 đồng/người/ngày.

đ) Đội tuyển cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo: 120.000 đồng/người/ngày.

4. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu.

a) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 220.000 đồng/người/ngày.

b) Đội tuyển người khuyết tật cấp tỉnh: 320.000 đồng/người/ngày.

c) Đội tuyển cấp huyện: 220.000 đồng/người/ngày.

d) Đội tuyển người khuyết tật cấp huyện: 220.000 đồng/người/ngày.

đ) Đội tuyển cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo: 150.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội tuyển tỉnh quản lý.

2. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên cơ quan, địa phương quản lý.

3. Khuyến khích các nguồn xã hội hóa để thực hiện các chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên, nhằm giảm chi ngân sách.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi đối với các giải thi đấu thể thao và các chế độ khác cho hoạt động thể dục thể thao do địa phương quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Mục I Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi đối với các giải thi đấu thể thao và các chế độ khác cho hoạt động thể dục thể thao do địa phương quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Bỏ cụm từ "Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL" tại đoạn cuối cùng của Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi đối với các giải thi đấu thể thao và các chế độ khác cho hoạt động thể dục thể thao do địa phương quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Những nội dung khác có liên quan không quy định tại nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: VHTT&DL, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Cao Thị Hòa An